

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 6415/VPCP-CN ngày 05/8/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh đường quốc lộ;

Căn cứ 490/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh đoạn tuyến Quốc lộ 50 từ 33+700 đến Km35+123 (lý trình cũ) gồm cả bến phà Mỹ Lợi phía bờ tỉnh Long An thuộc xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An thành đường địa phương;

Căn cứ đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 8090/BGTVT-TC ngày 27/7/2023, Công văn số 545/BGTVT-TC ngày 16/01/2024 và đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An tại Công văn số 1834/UBND-KTTC ngày 25/4/2019 về việc điều chuyển tài sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (7.031m² đất bến phà Mỹ Lợi và tài sản gắn với bến phà phía bờ Long An), tổng nguyên giá tài sản điều chuyển theo sổ kế toán: 1.467.024.893 đồng; giá trị còn lại theo sổ kế toán: 0 đồng từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quản lý theo quy định.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Lý do điều chuyển: Thuộc trường hợp điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ. Bộ Giao thông vận tải chịu trách

nhiệm toàn diện về số liệu báo cáo và quyết định của mình đối với việc điều chỉnh từ đường quốc lộ thành đường địa phương (bao gồm cả bến phà Mỹ Lợi phía bờ tỉnh Long An) theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản quy định tại Điều 1 Quyết định này. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ; thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận tài sản, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý công sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ GTVT;
- UBND tỉnh Long An;
- Các Vụ: PC, HCSN, NSNN, ĐT;
- Lưu: VT, QLCS. 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

Phụ lục



DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Quyết định số 845/QĐ-BTC ngày 16/4/2024 của Bộ Tài chính)

ST T	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích đất (m ²)		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
				Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tài sản điều chuyển từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quản lý						
	Bến phà Mỹ Lợi và các tài sản bờ Long An			7.031	1.122,2	1.467.024.893	0
1.	Đất	m ²		7.031			
2.	Tài sản, vật kiến trúc gắn liền trên đất						
2.1	Nhà cửa, vật kiến trúc				1.122,2	1.352.247.893	0
1	Nhà chờ phà	m ²			224,6	188.422.517	0
2	Nhà vệ sinh khu vực nhà chờ	m ²			21,9		
3	Vòm mái che hành khách	m ²			138,4	10.499.950	0
4	Nhà bán vé phà	m ²			28,6	19.595.717	0
5	Nhà điều hành	m ²			200,0	394.012.000	0
6	Nhà tập thể + nhà vệ sinh tập thể	m ²			311,3	282.251.709	0
7	Nhà kho + nhà xưởng	m ²			108,0	139.934.000	0
8	Nhà máy đèn	m ²			11,6	60.682.000	0
9	Nhà xe ô tô	m ²			70,2	0	0
10	Giếng nước ngọt + tháp xử lý nước	m ²			1,8	116.708.000	0
11	Hồ nước	m ²			5,8	0	0
12	Hàng rào (văn phòng và bờ kè)	m ²	346,7			140.142.000	0
	Chắn gạch xây, song sắt (trước nhà điều hành)	md	55,0				
	Cột sắt ống, song sắt (trên tường kè)	md	59,5				
	Lưới B.40 (bao quanh NDH)	md	77,1				
	Kẽm gai (bao quanh nhà chờ + vé)	md	85,1				
	Hàng rào khu vực nhà chờ	md	70,0				
2.2	Thiết bị truyền dẫn					114.777.000	0
	Trạm biến thế 15 KVA	trạm	1,0			114.777.000	0